

Số: 59/TB-BVMRHM-ĐT

Cần Thơ, ngày 29 tháng 4 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ
Thủy tinh thể năm 2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Mắt và Răng Hàm Mặt thành phố Cần Thơ có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo thông số kỹ thuật, giá trị thiết bị phục vụ công tác tổ chức mua sắm thủy tinh thể năm 2025 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Mắt và Răng Hàm Mặt thành phố Cần Thơ.
2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Khoa Dược – Cận lâm sàng, Bệnh viện Mắt và Răng Hàm Mặt thành phố Cần Thơ (Số điện thoại: 0292.3.824.467, gặp DS. Phúc Vinh)

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: Quý đơn vị có thể gửi báo giá theo hướng dẫn sau:

- Quý Công ty gửi báo giá qua địa chỉ *email*:

dauthau.bvmatrhmcantoho@gmail.com

- Hồ sơ báo giá được đính kèm chung 1 thư mục với tiêu đề (Viết hoa không dấu):
“[TEN CÔNG TY]_BAO GIA THEO THÔNG BÁO SỐ 59 NGÀY 29-4-2025”

- Hồ sơ báo giá gồm:

+ Bản báo giá theo mẫu tại Phụ lục 2 đính kèm (Scan bản chính có chữ ký, đóng mộc và ghi rõ ngày tháng năm)

+ Hồ sơ pháp lý của công ty bao gồm các file scan bản chính hoặc bản photo có công chứng: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có lĩnh vực mua bán trang thiết bị y tế, Phiếu tiếp nhận công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế của cơ quan quản lý.

+ Hồ sơ sản phẩm bao gồm các file scan bản chính hoặc bản photo có công chứng: catalogue hoặc brochure có thể hiện đầy đủ các thông số kỹ thuật, hồ sơ phân loại trang thiết bị (bảng phân loại, phiếu tiếp nhận kết quả phân loại), hồ sơ kỹ thuật của thiết bị.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ 00 phút ngày 05 tháng 5 năm 2025 đến trước 17 giờ 00 phút ngày 16 tháng 5 năm 2025

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: 120 ngày, kể từ ngày ghi trên báo giá



II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế/ linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị): *Phụ lục 1 đính kèm*

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo trì thiết bị y tế: Bệnh viện Mắt và Răng Hàm Mặt thành phố Cần Thơ. Địa chỉ: số 39 đường Nguyễn Trãi, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

3. Các thông tin khác: Bệnh viện chỉ tiếp nhận Báo giá qua email, không nhận báo giá trực tiếp. Đề nghị quý công ty đọc kỹ hướng dẫn và cung cấp đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu.

Các báo giá nộp không đầy đủ hồ sơ hoặc thời gian gửi báo giá không đúng theo hướng dẫn thì sẽ không được xem xét.

Mong nhận được sự hợp tác từ quý công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Đăng trang web BV;
- Đăng muasamcong.mpi.gov.vn
- Lưu: VT.



Nguyễn Thanh Hòa





PHỤ LỤC 1

DANH MỤC YÊU CẦU BÁO GIÁ

(Đính kèm yêu cầu báo giá số: 59/TB-BVMRHM-ĐT ngày 29 tháng 4 năm 2025)

STT	Mã VT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	TTT01	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh, chất liệu hỗn hợp, lắp sẵn	- Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh. - Chất liệu: Copolymer, ngậm nước $\geq 25\%$ - Màu sắc: Trong suốt - Lọc tia cực tím (UV) . - Lọc ánh sáng xanh. - Chỉ số khúc xạ: từ 1.46 đến 1.48; ABBE ≥ 46 - Thiết kế: - Dạng 4 càng hoặc dạng phiến. - Bờ vuông - Góc càng từ 0 độ đến 5 độ - Đặc điểm: - Phi cầu - Cầu sai từ -0.16 μm đến - 0.14 μm - Đường kính tổng thủy tinh thể: 10.5 mm đến 10.75 mm. - Đường kính optic: 6 mm đến 6.2 mm. - Kích thước vết mổ: 1.8 mm đến 2.2 mm. - Dải công suất phải có: từ 0.0D đến +30.0 D - Từ 0.0D đến +30.0D có bước nhảy 1D - Từ +10.0D đến +28D có thêm bước nhảy 0.5D - Lắp sẵn trong cartridge, dụng cụ đặt kính kèm theo - Xuất xứ G7	Cái/Chiếc/Hộp	800

STT	Mã VT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
2	TTT02	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh, chất liệu hỗn hợp, không lắp sẵn, lọc ánh sáng xanh, dải độ rộng	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh. 2. Chất liệu: Copolymer, ngậm nước $\geq 26\%$ 3. Màu sắc: màu vàng - Lọc tia cực tím (UV) - Lọc ánh sáng xanh 4. Chỉ số khúc xạ: từ 1.46 đến 1.48. ABBE ≥ 56 5. Thiết kế: - Càng hình chữ C hoặc chữ L; . - Bờ vuông - Góc càng từ 0 độ đến 2 độ 6. Đặc điểm: - Phi cầu mặt trước. - Cầu sai ≥ 0 7. Đường kính tổng thủy tinh thể: 11mm đến 12.5mm. 8. Đường kính optic: 5.5 mm đến 6 mm. 9. Kích thước vết mổ: 2.2 mm đến 2.4 mm. 10. Dải công suất phải có: từ -18D đến +58D. Từ -18D đến + 58D có bước nhảy 1D Từ +15D đến +30D có thêm bước nhảy 0.5D 11. Có catridge và dụng cụ đặt kính kèm theo 12. Xuất xứ G7	Cái/Chiếc/Hộp	450

STT	Mã VT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
3	TTT03	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh, chất liệu hỗn hợp, không lắp sẵn, lọc ánh sáng xanh.	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh. 2. Chất liệu: Chất liệu Acrylic ngậm nước $\geq 25\%$, bề mặt Acrylic kỵ nước 3. Màu sắc: màu vàng - Lọc ánh sáng tím (tia UV) - Lọc ánh sáng xanh 4. Chỉ số khúc xạ: từ 1.45 đến 1.5.; ABBE ≥ 58 5. Thiết kế: - Dạng 4 còng hoặc dạng phiến - Bờ vuông - Góc còng 0 độ đến 3 độ 6. Đặc điểm: - Phi cầu - Cầu sai từ $-0.2\mu\text{m}$ đến $-0.165\mu\text{m}$ 7. Đường kính tổng thủy tinh thể: 10.5mm đến 11mm 8. Đường kính optic: từ 5.0mm đến 6.0mm 9. Kích thước vết mờ: $\leq 2.4\text{mm}$ 10. Dải công suất phải có: từ 0.0D đến +40.0D - Từ 0D đến +40.0D có bước nhảy 1.0D - Từ 0.0D đến +30.0D có thêm bước nhảy 0.5D 11. Có catridge và dụng cụ đặt kính đính kèm 12. Xuất xứ: G7	Cái/Chiếc/Hộp	400

STT	Mã VT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
4	TTT04	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh, chất liệu hỗn hợp, không lắp sẵn, không lọc ánh sáng xanh,	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh. 2. Chất liệu: copolymer, ngậm nước $\geq 25\%$ 3. Màu sắc: Trong suốt - Lọc tia cực tím (UV) - Không lọc ánh sáng xanh. 4. Chỉ số khúc xạ: Từ 1.46 đến 1.47; ABBE ≥ 58 5. Thiết kế: - Dạng 4 còng hoặc dạng phiến - Bờ vuông - Góc còng từ 8 độ đến 10 độ. 6. Đặc điểm: - Phi cầu - Cầu sai từ $-0.15\mu\text{m}$ đến $-0.10\mu\text{m}$ 7. Đường kính tổng thủy tinh thể: từ 10.5mm đến 11.0mm 8. Đường kính optic: từ 5,7mm đến 6mm 9. Kích thước vết mổ: 1.8 mm đến 2.2 mm. 10. Dải công suất phải có: từ + 10.0D đến + 30.0D - Từ +10.0D đến +30.0D bước nhảy 1.0D - Từ +15.0D đến +28.0D có thêm bước nhảy 0.5D 11. Có catridge và dụng cụ đặt kính kèm theo. 12. Xuất xứ G7	Cái/Chiếc/Hộp	350

STT	Mã VT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
5	TTT05	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh, chất liệu ky nước, lắp sẵn, lọc ánh sáng xanh	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh. 2. Chất liệu: Acrylic ky nước 3. Màu sắc: Màu vàng - Lọc tia cực tím (UV) - Lọc ánh sáng xanh 4. Chỉ số khúc xạ : ≥ 1.54 ; ABBE ≥ 36 5. Thiết kế: - Càng hình chữ C hoặc chữ L - Bờ vuông - Góc càng từ 0 độ đến 2 độ 6. Đặc điểm: - Phi cầu - Cầu sai (SA) từ $-0.20 \mu\text{m}$ đến $-0.15 \mu\text{m}$. 7. Đường kính tổng thủy tinh thể : 12.6 mm đến 13.0 mm. 8. Đường kính optic : 5.5 mm đến 6.0 mm. 9. Kích thước vết mổ : $\leq 2,2 \text{ mm}$. 10. Dải công suất phải có: từ +7.0 D đến +29.0 D - Từ +7.0D đến +29.0D có bước nhảy 1.0D - Từ +10.0D đến +25D có thêm bước nhảy 0.5D 11. Lắp sẵn trong dụng cụ đặt kính kiểu xoay 12. Xuất xứ ASEAN	Cái/Chiếc/Hộp	300

STT	Mã VT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
6	TTT06	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh, chất liệu ky nước, lắp sẵn, lọc ánh sáng xanh	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh. 2. Chất liệu: Acrylic ky nước 3. Màu sắc: màu vàng - Lọc tia cực tím (UV) - Lọc ánh sáng xanh 4. Chỉ số khúc xạ: từ 1.51 đến 1.53, ABBE ≥ 42 . 5. Thiết kế: - Dạng 4 càng hoặc dạng phiến - Bờ vuông 6. Đặc điểm: - Phi cầu 7. Đường kính tổng thủy tinh thể: 10 mm đến 11 mm. 8. Đường kính optic: 5 mm đến 6 mm. 9. Kích thước vết mổ: ≥ 2.2 mm 10. Dải công suất phải có: từ 0.0D đến +30.0D. - Từ 0.0D đến +30.0D có bước nhảy 1.0D - Từ +10.0D đến +25.0D có thêm bước nhảy 0.5D 11. Lắp sẵn trong cartridge, dụng cụ đặt kính kèm theo 12. Xuất xứ EU	Cái/Chiếc/Hộp	600

STT	Mã VT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
7	TTT07	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh, chất liệu ky nước, lắp sẵn, lọc ánh sáng xanh	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh, 2. Chất liệu: Acrylic ky nước 3. Màu sắc: Màu vàng - Lọc tia UV - Lọc ánh sáng xanh 4. Chỉ số khúc xạ: từ 1.47 đến 1.49; ABBE ≥ 51 5. Thiết kế: - Càng hình chữ C hoặc chữ L - Bờ vuông - Góc càng từ 0 độ đến 1.5 độ 6. Đặc điểm: - Phi cầu - Cầu sai từ $-0.12 \mu\text{m}$ đến $-0.1 \mu\text{m}$ 7. Đường kính tổng thủy tinh thể: 12.75 mm đến 13 mm, 8. Đường kính optic: 5.5 mm đến 6.0 mm 9. Kích thước vết mổ: 2.2 mm đến 2.6 mm 10. Dải công suất phải có: từ 0.0D đến +33.0D - Từ 0.0D đến +33.0D có bước nhảy 1.0D - Từ +10.0D đến +30.0D có thêm bước nhảy 0.5D 11. Lắp sẵn trong dụng cụ đặt kính 12. Xuất xứ G7	Cái/Chiếc/Hộp	200

STT	Mã VT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
8	TTT08	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu, một mảnh, đơn tiêu, chất liệu ky nước, lắp sẵn, không lọc ánh sáng xanh,	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh. 2. Chất liệu: Acrylic ky nước 3. Màu sắc: Trong suốt - Lọc tia cực tím (UV) - Không lọc ánh sáng xanh 4. Chỉ số khúc xạ : ≥ 1.5 ; ABBE ≥ 37 5. Thiết kế: - Càng hình chữ C hoặc chữ L - Bờ vuông - Góc càng từ 0 độ đến 2 độ 6. Đặc điểm: - Phi cầu - Cầu sai (SA) từ -0.20 μm đến -0.15 μm . 7. Đường kính tổng thủy tinh thể : 12.6 mm đến 13.0 mm. 8. Đường kính optic : 5.5 mm đến 6.0 mm. 9. Kích thước vết mổ : $\leq 2,2$ mm. 10. Dải công suất phải có: từ +7.0 D đến +29.0 D - Từ +7.0D đến +29.0D có bước nhảy 1.0D - Từ +10.0D đến +25D có thêm bước nhảy 0.5D 11. Lắp sẵn trong dụng cụ đặt kính kiểu xoay 12. Xuất xứ ASEAN	Cái/Chiếc/Hộp	350

STT	Mã VT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
9	TTT09	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh, chất liệu ky nước, lắp sẵn, không lọc ánh sáng xanh	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh. 2. Chất liệu: Acrylic ky nước. 3. Màu sắc: Trong suốt - Lọc tia cực tím (UV) - Không lọc ánh sáng xanh. 4. Chỉ số khúc xạ: từ 1.53 đến 1.55; ABBE ≥ 38 - Dạng 4 còng hoặc dạng phiến - Bờ vuông - Góc còng từ 5 độ đến 6 độ 6. Đặc điểm: - Phi cầu - Cầu sai $-0.15 \mu\text{m}$ đến $-0.10 \mu\text{m}$ 7. Đường kính tổng thủy tinh thể: từ 10.5 đến 11.0 mm. 8. Đường kính optic: từ 5.8 mm đến 6.15mm 9. Kích thước vết mổ: 1.8 mm đến 2.0 mm. 10. Dải công suất phải có: từ 0.0D đến +34.0D - Từ 0.0D đến +34.0D có bước nhảy 1.0D - Từ +10.0D đến +30.0D có thêm bước nhảy 0.5D 11. Thủy tinh thể lắp sẵn trong dụng cụ đặt kính 12. Xuất xứ G7	Cái/Chiếc/Hộp	350

STT	Mã VT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
10	TTT10	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh; chất liệu kỵ nước, không lắp sẵn, lọc ánh sáng xanh	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh. 2. Chất liệu Acrylic kỵ nước, Chromophore 3. Màu Sắc: Màu vàng - Lọc tia cực tím - Lọc ánh sáng xanh 4. Chỉ số khúc xạ từ 1.55 đến 1.56 5. Thiết kế: - Càng hình chữ L hoặc chữ C. - Bờ vuông - Góc càng từ 0 độ đến 2 độ . 6. Đặc điểm: - Thiết kế phi cầu - Cầu sai từ -0.3 μm đến -0.1 μm 7. Đường kính tổng thủy tinh thể: 12.5 mm đến 13.0 mm. 8. Đường kính optic: 5.5 mm đến 6.0 mm. 9. Kích thước vết mổ: 1.8 mm đến 2.2 mm. 10. Dải công suất phải có: từ +7.0 D đến +29.0 D - Từ +7.0D đến +29.0D có bước nhảy 1.0D - Từ +10.0D đến +25D có thêm bước nhảy 0.5D 11. Có cartridge và dụng cụ đặt kính kiểu xoay kèm theo. 12. Xuất xứ: G7	Cái/Chiếc/Hộp	200

STT	Mã VT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
11	TTT11	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh, chất liệu ky nước, không lắp sẵn, lọc ánh sáng xanh	- Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh. - Chất liệu: Acrylic ky nước - Màu sắc: Màu vàng - Lọc tia cực tím (UV) - Lọc ánh sáng xanh - Chỉ số khúc xạ: từ 1.542 đến 1.550. ABBE ≥ 38 - Thiết kế: - Càng dạng chữ C hoặc chữ L - Bờ vuông - Góc càng 0 độ đến 3 độ - Đặc điểm: - Phi cầu - Cầu sai: từ -0.25 μm đến -0.20 μm - Đường kính tổng thủy tinh thể: từ 12.5mm đến 13.0mm - Đường kính Optic: từ 5.0mm đến 6.0mm. - Kích thước vết mổ: 2.0mm đến 2.2mm. - Dải công suất phải có: từ 0.0D đến +38.0D - Từ 0.0D đến +38.0D có bước nhảy 1.0D - Từ +10.0D đến +30.0D có thêm bước nhảy 0.5D - Có catridge và dụng cụ đặt kính kèm theo - Xuất xứ EU	Cái/Chiếc/Hộp	650

STT	Mã VT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
12	TTT12	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh, chất liệu ky nước, không lắp sẵn, lọc tia cực tím	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh. 2. Chất liệu: Acrylic ky nước 3. Màu sắc: Trong suốt - Lọc tia cực tím (UV) 4. Chỉ số khúc xạ: từ 1.46 đến 1.48, ABBE ≥ 55 5. Thiết kế: - Càng hình chữ C hoặc chữ L; - Bờ vuông - Góc càng từ 0 độ đến 2 độ 6. Đặc điểm: - Phi cầu - Cầu sai: $\leq -0.27 \mu\text{m}$ 7. Đường kính tổng thủy tinh thể: 5.5 mm đến 6.0 mm. 8. Đường kính optic: 11 mm đến 13 mm. 9. Kích thước vết mổ: 2.2 mm đến 2.4 mm. 10. Dải công suất phải có: từ +5.0D đến +30.0D - Từ +5.0D đến +30.0D bước nhảy 1.0D - Từ +10.0D đến +25.0D có thêm bước nhảy 0.5D 11. Có catridge và dụng cụ đặt kính kèm theo 12. Xuất xứ G7	Cái/Chiếc/Hộp	600

STT	Mã VT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
13	TTT13	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh, chất liệu ngâm nước, không lắp sẵn, lọc tia cực tím	- Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh. - Chất liệu: Acrylic ngâm nước $\geq 26\%$ - Màu sắc: trong suốt - Lọc tia cực tím (UV) - Chỉ số khúc xạ: từ 1.46 đến 1.48; ABBE ≥ 58 - Thiết kế: - Dạng 4 càng hoặc dạng phiến - Bờ vuông - Góc càng 5 độ đến 7 độ - Đặc điểm: - Phi cầu - Cầu sai: từ $-0.17\text{ }\mu\text{m}$ đến $-0.15\text{ }\mu\text{m}$ - Đường kính tổng thủy tinh thể: từ 11.0mm đến 12.0mm - Đường kính Optic: từ 5.0mm đến 6.0mm. - Kích thước vết mổ: 2.0mm đến 2.2mm. - Dải công suất phải có: từ -8.0D đến +38.0D - Từ -8.0D đến +38.0D có bước nhảy 1D - Từ +10.0D đến +30.0D có thêm bước nhảy 0.5D - Có catridge và dụng cụ đặt kính kèm theo - Xuất xứ EU	Cái/Chiếc/Hộp	650

STT	Mã VT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
14	TTT14	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh, chất liệu ngâm nước, không lắp sẵn, lọc tia cực tím	- Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh. - Chất liệu: Acrylic ngâm nước $\geq 26\%$. - Màu sắc: Trong suốt - Lọc tia cực tím (UV) . - Chỉ số khúc xạ: từ 1.45 đến 1.47. ABBE ≥ 57 - Thiết kế: - Càng hình chữ C hoặc chữ L; . - Bờ vuông - Góc càng từ 0 độ đến 5 độ - Đặc điểm: - Phi cầu - Cầu sai từ $-0.25 \mu\text{m}$ đến $-0.2 \mu\text{m}$ - Đường kính tổng thủy tinh thể: 11.5 mm đến 12.5 mm. - Đường kính optic: 5.5 mm đến 6.0 mm. - Kích thước vết mổ: 2.2 mm đến 2.4 mm. - Dải công suất phải có: -8.0D đến +40.0D. - Từ -8.0D đến +40.0D bước nhảy 1.0D - Từ +10.0D đến +30.0D có thêm bước nhảy 0.5D - Có catridge và dụng cụ đặt kính đính kèm. - Xuất xứ G7	Cái/Chiếc/Hộp	700

STT	Mã VT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
15	TTT15	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh, chất liệu ngâm nước, không lắp sẵn, lọc ánh sáng xanh và tia cực tím	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh. 2. Chất liệu: Acrylic ngâm nước $\geq 26\%$, Azopyralone Methacrylate $\geq 0.015\%$ 3. Màu sắc: màu vàng - Lọc tia cực tím (UV) - Lọc ánh sáng xanh 4. Chỉ số khúc xạ: từ 1.45 đến 1.47. ABBE ≥ 57 5. Thiết kế: - Càng hình chữ C hoặc chữ L; . - Bờ vuông - Góc càng từ 0 độ đến 5 độ 6. Đặc điểm: - Phi cầu - Cầu sai từ $-0.25 \mu\text{m}$ đến $-0.2 \mu\text{m}$ 7. Đường kính tổng thủy tinh thể: 11.5 mm đến 12.5 mm. 8. Đường kính optic: 5.5 mm đến 6.0 mm. 9. Kích thước vết mổ: 2.2 mm đến 2.4 mm. 10. Dải công suất phải có: từ -8.0D đến +40.0D. - Từ -8.0D đến +40.0D bước nhảy 1.0D - Từ +10.0D đến +30.0D có thêm bước nhảy 0.5D 11. Có catridge và dụng cụ đặt kính kèm theo 12. Xuất xứ: G7	Cái/Chiếc/Hộp	700

STT	Mã VT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
16	TTT16	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh, chất liệu ngâm nước, lắp sẵn, lọc ánh sáng xanh	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh. 2. Chất liệu: Acrylic ngâm nước $\geq 26\%$ 3. Màu sắc: màu vàng - Lọc tia cực tím (UV) - Lọc ánh sáng xanh 4. Chỉ số khúc xạ: từ 1.45 đến 1.5; ABBE ≥ 57 5. Thiết kế: - Càng dạng phiến hoặc 4 điểm cố định; - Bờ vuông - Góc càng từ 0 độ đến 3 độ 6. Đặc điểm: - Phi cầu - Cầu sai từ $-0.1 \mu\text{m}$ đến $0 \mu\text{m}$ 7. Đường kính tổng thủy tinh thể: 10.5mm - 11mm 8. Đường kính optic: 5.0 mm đến 6.0 mm. 9. Kích thước vết mổ: $\leq 2.2 \text{ mm}$ 10. Dải công suất phải có: từ -8.0D đến +38.0D. - Từ -8.0D đến +38.0D bước nhảy 1.0D - Từ +10.0D đến +30.0D có thêm bước nhảy 0.5D 11. Lắp sẵn trong dụng cụ đặt kính 12. Xuất xứ: G7	Cái/Chiếc/Hộp	400

STT	Mã VT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
17	TTT17	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh, chất liệu hỗn hợp, điều chỉnh loạn thị, không lắp sẵn, lọc tia cực tím	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh, 2. Chất liệu: Acrylic ngâm nước $\geq 25\%$, bề mặt kỵ nước 3. Màu sắc: Trong suốt - Lọc tia cực tím UV 4. Chỉ số khúc xạ: từ 1.44 đến 1.46; ABBE ≥ 58 5. Thiết kế: - Dạng phiến hoặc dạng 4 còng - Bờ vuông - Góc còng từ 0 độ đến 1.5 độ 6. Đặc điểm: - Phi cầu, điều chỉnh loạn thị ở hai mặt optic - Cầu sai ≥ 0 7. Đường kính tổng thủy tinh thể: 10.5 mm đến 11 mm 8. Đường kính optic: 5.75 mm đến 6.0 mm 9. Kích thước vết mổ: 1.8 mm đến 2.2 mm 10. Dải công suất phải có: * Độ cầu từ -8.0D đến +30.0D - Từ -8.0D đến +30.0D có bước nhảy 1.0D - Từ 0.0D đến +25.0D có thêm bước nhảy 0.5D * Độ trụ từ +1.0D đến +10.0D có bước nhảy 0.5D 11. Có catridge và dụng cụ đặt kính kèm theo 12. Xuất xứ G7	Cái/Chiếc/Hộp	30

STT	Mã VT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
18	TTT18	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh, chất liệu kỵ nước, kéo dài tiêu cự, không lắp sẵn	- Thủy tinh thể nhân tạo mềm, kéo dài tiêu cự - Chất liệu Acrylic kỵ nước, Chromophore - Màu Sắc: Màu Vàng - Lọc tia cực tím - Lọc ánh sáng xanh - Chỉ số khúc xạ từ 1.55 đến 1.56; - Thiết kế: - Càng chữ L hoặc chữ C. - Bờ vuông - Góc càng từ 0 độ đến 2 độ - Đặc điểm: - Optic thiết kế định hình mặt sóng, không nhiễu xạ, kéo dài tiêu cự (kéo dài độ sâu trường ảnh). Thiết kế phi cầu. - Cầu sai từ -0.3 μm đến -0.1 μm - Đường kính tổng thủy tinh thể: 12.5 mm đến 13.0 mm. - Đường kính optic: 5.5 mm đến 6.0 mm. - Kích thước vết mổ: 1.8 mm đến 2.2 mm. - Dải công suất phải có: từ +10.0 D đến +30.0 D. - Từ +10.0D đến +30.0D có bước nhảy 1.0D - Từ +15.0D đến +28.0D có thêm bước nhảy 0.5D - Có cartridge và dụng cụ đặt kính kiểu xoay kèm theo. - Xuất xứ: G7	Cái/Chiếc/Hộp	50

STT	Mã VT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
19	TTT19	Thủy tinh thể nhân tạo mềm một mảnh, ba tiêu cự, chất liệu kỵ nước, không lắp sẵn	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, ba tiêu cự, một mảnh 2. Chất liệu Acrylic kỵ nước, Chromophore 3. Màu Sắc: Màu vàng - Lọc tia cực tím - Lọc ánh sáng xanh 4. Chỉ số khúc xạ từ 1.55 đến 1.56; 5. Thiết kế: - Càng chữ L hoặc chữ C. - Bờ vuông - Góc càng từ 0 độ đến 2 độ 6. Đặc điểm: - Optic thiết kế theo công nghệ nhiễu xạ có công suất cộng thêm cho thị lực trung gian $\geq +2,17$ D và cho thị lực nhìn gần $\geq +3,25$ D. - Cầu sai từ $-0.2 \mu\text{m}$ đến $-0.1 \mu\text{m}$ 9. Kích thước vết mờ: ≥ 2.2 mm. 10. Dải công suất phải có: từ +6.0 D đến +30.0 D. - Từ +6.0D đến +30.0D có bước nhảy 1.0D - Từ +10.0D đến +28.0D có thêm bước nhảy 0.5D 11. Có cartridge và dụng cụ đặt kính kiểu xoay kèm theo. 12. Xuất xứ: G7	Cái/Chiếc/Hộp	50

STT	Mã VT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
20	TTT20	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh, đa tiêu cự, chất liệu hỗn hợp, không lắp sẵn	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đa tiêu khúc xạ, một mảnh. 2. Chất liệu: Hỗn hợp Acrylic ngâm nước $\geq 26\%$, với bề mặt kỵ nước 3. Màu sắc: Trong suốt - Lọc tia cực tím (UV) - Không lọc ánh sáng xanh 4. Chỉ số khúc xạ: từ 1.45 đến 1.47; 5. Thiết kế: - Vùng nhìn gần $\geq +2.0D$ - Càng dạng phiến hoặc 4 điểm tựa cố định - Bờ vuông - Góc còng từ 0 độ đến 2 độ 6. Đặc điểm: - 2 mặt phi cầu - Cầu sai ≥ 0 7. Đường kính tổng thủy tinh thể: 10.5 mm đến 11 mm. 8. Đường kính optic: 5.5 mm đến 5.75 mm. 9. Kích thước vết mổ: ≥ 1.8 mm 10. Dải công suất phải có: +10.0D đến +35.0D - Từ +10.0D đến +35.0D bước nhảy 0.5D - Từ +17.0D đến +25.0D có thêm bước nhảy 0.25D 11. Có cartridge và dụng cụ đặt kính kèm theo 12. Xuất xứ: Châu Mỹ	Cái/Chiếc/Hộp	30



TÊN ĐƠN VỊ BÁO GIÁ

PHỤ LỤC 2
MẪU BÁO GIÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

[Ghi địa danh], ngày tháng năm

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Bệnh viện Mắt và Răng Hàm Mặt thành phố Cần Thơ

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của quý bệnh viện, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Mã VT theo yêu danh mục yêu cầu báo giá	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Tên thương mại	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Nước sản xuất ⁽⁶⁾	Đơn vị tính	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	TTT....	Thiết bị A											
2		Thiết bị B											
n		...											

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

4. Bảng mô tả chi tiết:

STT	Tên thương mại	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Hãng sản xuất, nước sản xuất	Mô tả về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Phân loại thiết bị y tế (A, B, C, D)

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Cột (11) = cột (7) * cột (8) + cột (9) + cột (10)

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND).

Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

